

Số: 36/BC-MNĐH

Đại Học, ngày 13 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường Mầm non Đại Hợp

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Thôn Việt Tiên, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 02253818838

Email: mndaihop@kienthuy.edu.vn

Websie: mn-daihop.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường mầm non công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng:

+ Xây dựng phương pháp dạy học trong môi trường năng động, thân thiện, sáng tạo và đạt chất lượng cao. Tạo dựng được môi trường dạy và học nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để giáo viên trẻ có cơ hội phát triển năng lực, tư duy, sáng tạo của bản thân. Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

+ Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

+ Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

- Tầm nhìn:

+ Trường mầm non Đại Hợp là một trường đạt chất lượng, có uy tín, năng động, nơi mà CBGVNV là những người có tinh thần trách nhiệm, hòa nhập tốt với cộng đồng tạo được niềm tin của phụ huynh học sinh và luôn có ý chí vươn lên xây dựng nhà trường ngày một phát triển.

- Mục tiêu của nhà trường:

+ Chú trọng tạo môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh

phúc. Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

5. Quá trình hình thành và phát triển.

- Trường mầm non xã Đại Hợp được thành lập từ năm 2000 theo Quyết định số 168/QĐ-UB ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân Huyện Kiến Thụy Quyết định về việc sáp nhập nhà trẻ và trường mẫu giáo xã Đại Hợp để thành lập trường Mầm non xã Đại Hợp.

- Trường Mầm non xã Đại Hợp được chuyển từ trường mầm non Dân lập sang trường Mầm non Bán công theo Quyết định số 385/QĐ-UB ngày 01 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Huyện Kiến Thụy.

- Trường Mầm non Đại Hợp được chuyển từ trường Mầm non Bán công sang trường công lập theo Quyết định số 282/QĐ-UB ngày 02 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Tháng 6 năm 2016 trường được UBND thành phố Hải Phòng công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I

- Chi ủy chi bộ được đảng bộ xã Đại Hợp tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2024.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Năm học 2024-2025 tập thể nhà trường đề nghị UBND huyện công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

- Qua những thành tích đạt được trường mầm non Đại Hợp luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau:

6. Thông tin đại diện pháp luật

- Họ và tên: Hoàng Ngọc Phương

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Đại Hợp, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

- Số điện thoại: 0225.3818.838

- Địa chỉ thư điện tử: mndaihop@kienthuy.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập

Trường mầm non Đại Hợp được thành lập theo Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND huyện Kiến Thụy.

b. Quyết định Hội đồng trường

Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND huyện Kiến Thụy về việc Quyết định kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Đại Hợp Nhiệm kỳ 2021 - 2025

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
1	Hoàng Ngọc Phương	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Đông Thị Trang Nhung	Giáo viên	Thư ký
3	Trần Biển Thùy	Phó chủ tịch UBND xã Đại Hợp	Thành viên
4	Phạm Việt Hòa	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Trần Giáng Hương	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Hoàng Hải Yến	Giáo viên - CTCD	Thành viên
7	Phạm Thị Tuyền	Giáo viên - BTĐTN	Thành viên
8	Đoàn Thị Phương	Giáo viên	Thành viên
9	Nguyễn Thị Minh Phương	Nhân viên kế toán	Thành viên
10	Vũ Thị Mỹ	Nhân viên nuôi dưỡng	Thành viên
11	Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Kiến Thụy về việc bổ nhiệm bà Hoàng Ngọc Phương giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Đại Hợp.

Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND huyện Kiến Thụy về việc bổ nhiệm bà Phạm Việt Hòa giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Đại Hợp.

Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND huyện Kiến Thụy về việc bổ nhiệm bà Trần Giáng Hương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Đại Hợp.

Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non Đại Hợp

ST T	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Email	Đăng viên
1	Hoàng Ngọc Phương	Hiệu trưởng	0834288052	thaophuongthu@gmail.com	x
2	Phạm Việt Hòa	Phó	0889851968	phamviethoa1985@gmail.com	x

		Hiệu trưởng			
3	Trần Giáng Hương	Phó Hiệu trưởng	0962898968	Trangianghuongmndh@gmail.com	x
4	Hoàng Hải Yến	Giáo viên	0932352843	linhlinhdaihop@gmail.com	x
5	Đông Thị Hà	Giáo viên	0342407531	Dongha310171@gmail.com	x
6	Lê Thị Ngọc Hân	Giáo viên	0346485586	ngochan89hp@gmail.com	x
7	Ngô Thị Thúy Hương	Giáo viên	0906142605	ngohuongnhat@gmail.com	x
8	Đoàn Thị Phương	Giáo viên	0705748473	phuongmit240491@gmail.com	x
9	Bùi Thị Tuyết	Giáo viên	0979280596	buit28550@gmail.com	
10	Bùi Thị Thu	Giáo viên	0945360484	buithithu.071090@gmail.com	x
11	Nguyễn Thị Hào	Giáo viên	0979470997	nguyenthihao14081990@gmail.com	x
12	Nguyễn Thị Óng	Giáo viên	0984514135	nguyenongmndaihop@gmail.com	x
13	Đông Thị Bắc	Giáo viên	0365959159	baclun1511@gmail.com	
14	Vũ Thị Nhiệm	Giáo viên	0389162514	nhiemvu1985@gmail.com	x
15	Nguyễn Thị Hoài	Giáo viên	0389701960	hoainguyen030793@gmail.com	x
16	Phạm Thị Tuyền	Giáo viên	0869050955	Tuyenmiudh@gmail.com	x
17	Nguyễn Thị Vương	Giáo viên	0347342306	xuanhuu216@gmail.com	x
18	Nguyễn Thị Lệ	Giáo viên	0904347086	Nguyenthile2312@gmail.com	x
19	Phạm Thị Hường	Giáo viên	0988782100	phamhuong190987@gmail.com	x
20	Bùi Thị Thùy	Giáo viên	0362820966	buithithuymnhd@gmail.com	x
21	Hoàng Thị Hiếu	Giáo viên	0793299428	hoanghieu1284@gmail.com	x
22	Đoàn Thị Trang	Giáo viên	0379809287	doantrang984@gmail.com	x

23	Bùi Thị Mận	Giáo viên	0852486899	builoan100282@gmail.com	x
24	Bùi Thị Vân Anh	Giáo viên	0975510869	vanshine2106@gmail.com	x
25	Đông Thị Trang Nhung	Giáo viên	0395043194	hieuchicuong@gmail.com	x
26	Đặng Thị Hải Yến	Giáo viên	0339801484	haiyendang10091992@gmail.com	x
27	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giáo viên	0777269406	nguyenthihonghanh1986@gmail.com	x
28	Đông Thị Năm	Giáo viên	0329287599	nammndh@gmail.com	x
29	Lưu Thị Mai Anh	Giáo viên	0988956008		x
30	Đoàn Thị Mai	Giáo viên	0971455091	dongduygiabao@gmail.com	x
31	Vũ Thị Hạnh	Giáo viên	0823483888	vuhanhkthp1982@gmail.com	x
32	Nguyễn Thị Minh Phương	Nhân viên kế toán	0971028874	minhphuongdh@haiphong.go.vn	x
33	Phạm Thị Ngọc Hoa	Nhân viên nấu ăn	0346073159	hoaphamthi456@gmail.com	
34	Phạm Thị Mai	Nhân viên nấu ăn	0386075013	maiphamthi857@gmail.com	x
35	Đào Thị Ngọc Minh	Nhân viên nấu ăn	0392676932	daominh145@gmail.com	x
36	Vũ Thị Mỹ	Nhân viên nấu ăn	0932044125	vumy892105@gmail.com	
37	Lê Thị Lan Anh	Nhân viên nấu ăn	0337936748	lananhhy1998@gmail.com	x
38	Vũ Thị Tươi	Nhân viên nấu ăn	0388260622	vutuoimndaihop@gmail.com	x
39	Phạm Thị Hoa	Nhân viên nấu ăn	0966452040	phamhoa23081979hp@gmail.com	
40	Lê Văn Tính	Nhân viên	0338436228		

		viên bảo vệ		
41	Hoàng Văn Trọng	Nhân viên bảo vệ	0977588670	

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

Xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong độ tuổi từ 2 tuổi đến 6 tuổi theo chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất tham gia tuyển dụng và điều động cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy mô số lớp, học sinh của trường.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các lớp giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình cha mẹ trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

8. Chiến lược phát triển

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối

đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của UBND huyện đầu tư sửa chữa các hạng mục như phòng học, phòng chức năng, sân, vườn...; Hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, thường xuyên rà soát sửa chữa đảm bảo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đại học					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	41	0	0	29	3	5	4
I	Cán bộ quản lý	3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
II	Giáo viên	28	0	0	25	3		
1	Nhà trẻ	4			4			
2	Mẫu giáo	24			21	3		
III	Nhân viên	10	0	0	1		5	4
1	Nhân viên văn thư							

2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nấu ăn	7				5	2	
6	Lao công bảo vệ	2					2	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	28	28
	Tỷ lệ	100%	100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	28	28
	Tỷ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường	1	1	
	Diện tích trường	4270 m ²	4270 m ²	
	Diện tích bình quân cho trẻ	10,6m ²	11m ²	12m ²

2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ			
	Phòng học	13	13	13
	Phòng vệ sinh	13	13	13
	Phòng ngủ	13	13	13
	Phòng phụ	13	13	13
2.2	Khối phòng phục vụ học tập			
	Thư viện	0	0	1
	Phòng thể chất	0	0	1
	Phòng nghệ thuật	1	1	
	Phòng đa chức năng	0	0	1
	Phòng tin học	0	0	1
	Phòng tiếng Anh	0	0	1
2.3	Phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	1	1	1
	Phòng kho	2	2	2
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	1
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	1
	Văn phòng trường	1	1	1
	Phòng họp	0	0	1
	Phòng hành chính quản trị	1	1	1
	Phòng bảo vệ	1	1	1
	Phòng Y tế	1	1	1
	Phòng nhân viên	0	0	1
	Phòng giáo viên	0	0	1
2.5	Khối công trình công cộng			
	Nhà xe giáo viên	2	2	2

3	Số lượng thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	13	13	13
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	22	22	22
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	Ti vi	13	13	13
	Máy tính văn phòng	4	4	4
	Máy photo	1	1	1
	Máy tính cho các lớp	13	13	13
	Máy in	9	10	10
	Điều hòa	13	13	13
	Bình nóng lạnh	13	13	13
	Rèm cửa sổ	31	38	38
	Giá vẽ	5	35	35
6	Nhà vệ sinh			
	Dùng cho CBGVNV	2	2	2
	Dùng cho học sinh	13	13	13
7	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	1	1
8	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	1	1
9	Kết nối internet (ADSL)	1	1	1
10	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	1	1

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	-	

Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-	
Tiêu chí 1.8		x	x	-	
Tiêu chí 1.9		x	x	-	
Tiêu chí 1.10		x	x	-	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		X	X	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	

* Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 3

2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:

- Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	13
	Mẫu giáo	11
	Nhà trẻ	2
2	Tổng số trẻ	388
	Mẫu giáo	338
	Nhà trẻ	50

3	Số trẻ học 2 buổi trên ngày	388
4	Số trẻ ăn bán trú	388
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe	388
	Trong đó : Mẫu giáo	338
	Nhà trẻ	50
6	Số trẻ phổ cập GDMNTE5T	128
7	Số trẻ khuyết tật	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Năm 2025	Năm 2024
I	SỐ THU PHÍ, LỆ PHÍ		
1	Học phí		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	510.000
1.2.1	Mức thu: được hỗ trợ theo NQ 54	105.912.000	247.462.485
1.2.2	Mức thu: được hỗ trợ theo NĐ81	54.315.000	43.605.000
1.3	Tổng số thu trong năm		291.067.485
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		291.067.485
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾		291.067.485
1.6	Số chi trong năm		291,577,485
	- Chi lương +BHXH+KPCĐ		291,577,485
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		0
2	Phục vụ hoạt động bán trú		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.2	Mức thu: HS mới đi học: 360.000đ/HS/năm HS cũ: 200.000đ/HS/năm		
2.3	Tổng số thu trong năm	94.730.000	99.280.000
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	94.730.000	99.280.000
2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	94.730.000	99.280.000
2.6	Số chi trong năm	94.730.000	99.280.000
	- Chi mua đồ dùng trang thiết bị bán trú	94.730.000	99.280.000
	- Chi nộp thuế		

2.7	Số dư cuối năm	0	0
3	Hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.2	Mức thu: 150.000đ/HS/tháng		
3.3	Tổng số thu trong năm	494.774.500	510.062.000
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	494.774.500	510.062.000
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	494.774.500	510.062.000
3.6	Số chi trong năm	494.774.500	510.062.000
	- Chi lương hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý	494.774.500	436.582.498
	- Chi đóng bảo hiểm cho cô nuôi	17.352.500	63.278.262
	- Chi đóng KPCP cho cô nuôi	1.068.900	
	- Chi mua đồ vệ sinh bán trú, vệ sinh môi trường	44.709.200	
	- Chi nộp thuế 2%	9.895.500	10.201.240
3.7	Số dư cuối năm	0	0
4	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính		
4.1	Số dư năm trước chuyển sang		81.200
4.2	Mức thu: 220.000đ/HS/tháng		
4.3	Tổng số thu trong năm	725.670.000	748.091.000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	725.670.000	748.091.000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	725.670.000	748.091.000
4.6	Số chi trong năm	725.670.000	748.091.000
	Trong đó:	711.156.600	733.210.380
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo; lương giáo viên, nhân viên,		
	- Chi nộp thuế 2%	14.513.400	14.962.820
4.7	Số dư cuối năm	0	0
5	Chăm sóc trẻ mầm non thứ 7		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang		94.000
5.2	Mức thu: 50.000đ/HS/ngày		
5.3	Tổng số thu trong năm	548.200.000	396.750.000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	548.200.000	396.750.000
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	548.200.000	396.750.000
5.6	Số chi trong năm	548.200.000	396.750.000

	- Chi lương CBGVNV	537.236.000	390.060.000
	- Chi nộp thuế 2%	10.964.000	7.935.000
5.7	Số dư cuối năm	0	0
6	Học tiếng Anh		
6.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
6.2	Mức thu: 160.000đ/HS/tháng		
6.3	Tổng số thu trong năm	159.200.000	51.680.000
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	159.200.000	51.680.000
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	159.200.000	51.680.000
6.6	Số chi trong năm	159.200.000	51.680.000
	- Chuyển kinh phí dạy tiếng Anh	119.400.000	38.760.000
	- Chi công tác quản lý, gv trợ giảng	28.656.000	9.486.400
	- Chi cơ sở vật chất	10.296.800	2.400.000
	- Chi nộp thuế 2%	796.000	1.033.600
6.7	Số dư cuối năm	51.200	0
7	Ăn bán trú		
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.305.162	113.157
7.2	Mức thu: 26.000đ/ngày (bao gồm cả nhiên liệu, chất đốt)		
7.3	Tổng số thu trong năm	1.653.522.000	1.956.734.000
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.653.522.000	1.956.734.000
7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.653.522.000	1.956.734.000
7.6	Số chi trong năm	1.654.420.716	1.955.541.995
	- Chi tiền ăn	1.462.714.042	1.734.370.000
	- Chi tiền nhiên liệu, chất đốt	191.706.674	221.171.995
7.7	Số dư cuối năm	406.446	1.305.162
8	Chăm sóc giáo dục hè (Phí hè)		
8.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
8.2	Mức thu: 1.000.000đ/HS/tháng (năm 2024)		
8.3	Tổng số thu trong năm		625.800.000
8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		625.800.000
8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾		625.800.000
8.6	Số chi trong năm		625.799.997
	- Chi lương giáo viên, nhân viên		500.640.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		17.823.000
	- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, chi		94.820.997

	khác...		
	- Chi nộp thuế 2%		12.516.000
8.7	Số dư cuối năm		3
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	367.670.000	1.073.693.000
2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	5.790.725.000	5.128.770.000
2.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền thưởng, chi thu nhập thu nhập tăng thêm cho CBGVNV	2.578.014.826	4.598.755.888
2.2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	256.279.211	502.667.549
	Chi cho đào tạo		
	Chi cho nghiên cứu		
	Chi cho phát triển đội ngũ		
	Chi phí chung và chi khác	256.279.211	502.667.549
2.3	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
2.4	Chi khác	6.370.000	27.346.563

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng trường mầm non Đại Hợp phát triển bền vững, tiên tiến, hiện đại với những giá trị mới, thực tiễn trong thời kỳ hội nhập “ Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình” và tạo được niềm tin trong cộng đồng và phụ huynh học sinh.

- Năm học 2024 - 2025 nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.
- Hoàn thành tốt công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn xã
- Đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.
- Thực hiện chuyên tốt các chuyên đề trong năm học
- Kết quả đánh giá trẻ đạt cuối năm đạt 98 % các lĩnh vực. 100% học sinh 5 tuổi đủ điều kiện vào lớp 1.

- Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường đạt 97,1% tỷ lệ trẻ béo phì 1%. Kết quả kiểm tra VSATTP được kiểm tra đánh giá xếp loại Tốt; 100% trẻ đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động, trẻ mạnh dạn, tự tin có nề nếp.

- Đảm bảo an toàn an ninh trường học, công tác phòng chống dịch bệnh
- Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường của giáo viên, nhân viên. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm đồ dùng, thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
- Quan tâm, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.
- Năm học 2024 - 2025 tập thể nhà trường đề nghị UBND huyện công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. Có 7 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện, 6 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động: có 6 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 32 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ và 1 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện;
- CBGVNV trường MN Đại Hợp;
- Lưu trang VT, đăng tải tại Website.

HIỆU TRƯỞNG**Hoàng Ngọc Phương**